

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt diện tích tưới, tiêu, cấp nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 và quyết toán tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ các Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 về việc giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2023; Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 28/TTr-STC ngày 04/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt diện tích tưới, tiêu, cấp nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 và quyết toán tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh, như sau:

1. Phê duyệt diện tích tưới, tiêu, cấp nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1.1. Tổng diện tích tưới, tiêu, cấp nước: 139.416,9 ha, trong đó:

- Vụ chiêm: 67.847,1 ha;
- Vụ mùa: 64.897,5 ha;
- Vụ đông: 6.078,5 ha;

- Nuôi trồng thủy sản cả năm: 593,8 ha.

1.2. Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 76.335.151.800 đồng.

2. Quyết toán tài chính

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác, gồm:	83.582.798.783
a	Doanh thu từ cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	76.335.151.800
b	Doanh thu từ ngân sách cấp hỗ trợ tài chính	5.000.000.000
c	Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu âu, cống và thu tưới thay thế	152.101.130
d	Doanh thu hoạt động tài chính	1.843.434.501
e	Thu nhập khác	252.111.352
2	Tổng chi phí, gồm:	83.582.798.783
a	Chi cho người lao động	58.569.840.729
b	Sửa chữa thường xuyên	8.809.533.737
c	Khấu hao tài sản cố định	3.000.230.600
d	Tiền điện, nguyên vật liệu	9.046.989.229
e	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.214.221.850
g	Các khoản chi khác	1.941.982.638
3	Lợi nhuận trước thuế	0
4	Lợi nhuận sau thuế	0

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, VP5,3.
- Zh_VP5_07DNNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng